

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10-01-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; thường trú: Khu phố S Kh, phường H X, thị xã H Nh, tỉnh Bình Định; tạm trú: Số 37/3A khu phố Ch L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1983; thường trú: Thôn Nh Th, xã Gi M, huyện Gi L, tỉnh Quảng Trị; tạm trú: Số 37/3A khu phố Ch L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tien trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân L sau thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H X, huyện H Nh (nay là phường H X, thị xã H Nh), tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11/2012, quyền

số 01/2012, cấp ngày 29/02/2012. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại số 37/3A khu phố Ch L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương, đến tháng 4 năm 2021 thì chị T chuyển về sinh sống tại địa chỉ số 177/27 khu phố T L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh L thường xuyên đánh đập chị T đồng thời hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay. Nay nguyên đơn chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 16/9/2014 và Nguyễn Phúc Ng, sinh ngày 11/8/2016. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Xuân L:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai ngày 05/11/2021, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 26/11/2021; tham gia phiên tòa vào các ngày 20/12/2021 và ngày 10/01/2022 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh L do Tòa án tiến hành ngày 04/6/2021, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:* Chị T và anh L trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án chị Tiệp không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 20/12/2021 và ngày 10/01/2022 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân L tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H X, huyện H Nh (nay là phường H X, thị xã H Nh), tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11/2012, quyển số 01/2012, cấp ngày 29/02/2012 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị Nguyễn Thị T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, hiện nay hai vợ chồng sống ly thân nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Xuân L. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh L đến làm việc nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, anh L không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, anh L cũng không có văn bản thể hiện thiện chí đưa ra phương án hàn gắn mối quan hệ giữa anh với chị T, vì vậy có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị T và anh L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 16/9/2014 và Nguyễn Phúc Ng, sinh ngày 11/8/2016. Hiện các con chung đang ở cùng với mẹ, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Trong suốt quá trình tố tụng, mặc dù đã được Tòa án niêm yết các văn bản có nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi dưỡng con chung cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào lời khai của cháu Ng mong muốn được sống chung cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, các cháu Ngân, Nguyên từ nhỏ đến nay sống chung với mẹ và vẫn phát triển tốt. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu giao các con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Xuân L phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị T.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 227, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với bị đơn anh Nguyễn Xuân L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân L. (Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã H X, huyện H Nh (nay là phường H X, thị xã H Nh), tỉnh Bình Định cấp ngày 29/02/2012).

Về con chung: Anh Nguyễn Xuân L giao 02 con chung tên Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 16/9/2014 và Nguyễn Phúc Ng, sinh ngày 11/8/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Xuân L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân L có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị T phải tạo điều kiện cho anh Nguyễn Xuân L trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0049658 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa